

UBND XÃ THANH YÊN

**PHÊ DUYỆT SỐ LƯỢNG, DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH 66/2025/NĐ - CP CỦA
CHÍNH PHỦ**

TỪ THÁNG 1 ĐẾN THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 550 /QĐ-UBND ngày 20/11/2025 của UBND xã Thanh Yên)

TT	Họ và tên	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/năm	Đối tượng
	Tổng cộng	19.656.000	7.560.000			294.840.000	37.800.000	8.625	115
I	Trường tiểu học Thanh Yên	12.168.000	4.680.000			60.840.000	23.400.000	975	13
1	Lò Tuấn Thịnh	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
2	Lò Thị Thuỳ Chi	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
3	Lò Hoàng Long	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
4	Lường Thanh Trà	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
5	Lò Thành Công	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
6	Tô Thị Thảo Vy	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
7	Nguyễn Thanh Trúc	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
8	Tô Thảo Vy	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
9	Lò Việt Hoàng	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
10	Lò Thảo My	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
11	Bùi Gia Bảo	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
12	Nguyễn Minh Ánh Vi	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1

13	Lò Quyết Thắng	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
II	Trường TH Noong Luống	4.680.000	1.800.000			23.400.000	9.000.000	375	5
1	Lò Vũ Mai Phương	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
2	Lò Thị Thanh Thảo	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
3	Lò Gia Khánh	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
4	Ngân Quàng Khánh Vân	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
5	Trần Quỳnh Trang	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
III	Trường THCS Thanh Yên	2.808.000	1.080.000			14.040.000	5.400.000	225	3
1	Đinh Trần Mỹ Hạnh	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
2	Tô Bảo Hân	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
3	Quàng Thị Yến Chi	936.000	360.000	15	5	4.680.000	1.800.000	75	1
IV	TRƯỜNG TH&THCS PA THƠM					196.560.000		7050	94
1	Quàng Mạnh Bảo	936.000		15	5	4.680.000		75	1
2	Quàng Đức Duy	936.000		15	5	4.680.000		75	1
3	Lường Minh Giang	936.000		15	5	4.680.000		75	1
4	Quàng Tuấn Kiệt	936.000		15	5	4.680.000		75	1
5	Lường Tuấn Kiệt	936.000		15	5	4.680.000		75	1
6	Lường Bảo Khang	936.000		15	5	4.680.000		75	1
7	Lò Văn Khánh	936.000		15	5	4.680.000		75	1
8	Lò Gia Khiêm	936.000		15	5	4.680.000		75	1
9	Lường T Bích Phương	936.000		15	5	4.680.000		75	1
10	Lường Anh Tú	936.000		15	5	4.680.000		75	1
11	Lường Minh Y	936.000		15	5	4.680.000		75	1
12	Lò Tuấn Anh	936.000		15	5	4.680.000		75	1
13	Lò Trung Thành	936.000		15	5	4.680.000		75	1
14	Lò Vân Thông	936.000		15	5	4.680.000		75	1
15	Quàng Thành Đạt	936.000		15	5	4.680.000		75	1
16	Chữ Phương Tâm	936.000		15	5	4.680.000		75	1

17	Lò Văn Minh	936.000		15	5	4.680.000		75	1
18	Lò Minh Đức	936.000		15	5	4.680.000		75	1
19	Lường Thị Cúc	936.000		15	5	4.680.000		75	1
20	Lường Thị Diệp	936.000		15	5	4.680.000		75	1
21	Lường Minh Khôi	936.000		15	5	4.680.000		75	1
22	Lường Thị Minh Tuệ	936.000		15	5	4.680.000		75	1
23	Lò Minh Đại	936.000		15	5	4.680.000		75	1
24	Quàng Thị Ngọc Chi	936.000		15	5	4.680.000		75	1
25	Lò Thị Nhung	936.000		15	5	4.680.000		75	1
26	Quàng Mạnh Khải	936.000		15	5	4.680.000		75	1
27	Lường Văn Hiếu	936.000		15	5	4.680.000		75	1
28	Lường Thị Ly	936.000		15	5	4.680.000		75	1
29	Cà Gia Bảo	936.000		15	5	4.680.000		75	1
30	Lò Duy Công	936.000		15	5	4.680.000		75	1
31	Lò Thị Thuỳ Linh	936.000		15	5	4.680.000		75	1
32	Lò Thị Thanh Huyền	936.000		15	5	4.680.000		75	1
33	Tòng Lò Minh Nguyệt	936.000		15	5	4.680.000		75	1
34	Lò Hoàng Huy	936.000		15	5	4.680.000		75	1
35	Lường Thị Diên	936.000		15	5	4.680.000		75	1
36	Lò Thị Hương Sen	936.000		15	5	4.680.000		75	1
37	Lò Đức Mạnh	936.000		15	5	4.680.000		75	1
38	Lò Trung Hiếu	936.000		15	5	4.680.000		75	1
39	Lường Văn Hải	936.000		15	5	4.680.000		75	1
40	Lò Thị Văn	936.000		15	5	4.680.000		75	1
41	Lò Thị Hà Chi	936.000		15	5	4.680.000		75	1
42	Lò Thị Dung Nhi	936.000		15	5	4.680.000		75	1
43	Quàng Duy Anh			15	5			75	1
44	Lò Tuấn Vũ			15	5			75	1
45	Quàng Phúc Định			15	5			75	1

46	Quàng Văn Phượng			15	5			75	1
47	Quàng Quốc Tùng			15	5			75	1
48	Nạ Thị Thanh Thảo			15	5			75	1
49	Nạ Văn Đài			15	5			75	1
50	Lò Thị Hoa			15	5			75	1
51	Chảo Như Lệ			15	5			75	1
52	Quàng Văn Lượng			15	5			75	1
53	Lò Văn Nhật			15	5			75	1
54	Quàng Thị Thúy Trang			15	5			75	1
55	Nạ Thị Diệu Trâm			15	5			75	1
56	Quàng Yên Chi			15	5			75	1
57	Nạ Văn Đạt			15	5			75	1
58	Lò Thị Lợi			15	5			75	1
59	Nạ Thị Nguyệt			15	5			75	1
60	Nạ Văn Vượng			15	5			75	1
61	Chảo Thị Quỳnh			15	5			75	1
62	Nạ Thị Diệp			15	5			75	1
63	Quàng Thị Điệp			15	5			75	1
64	Quàng Ngọc Lan			15	5			75	1
65	Lò Văn Lương			15	5			75	1
66	Lò Thị Ly			15	5			75	1
67	Nạ Thị Thủy Tiên			15	5			75	1
68	Quàng Văn Bích			15	5			75	1
69	Quàng Văn Năm			15	5			75	1
70	Lò Văn Chung			15	5			75	1
71	Nạ Thị Loan			15	5			75	1
72	Lò Thị Hà			15	5			75	1
73	Quàng Vy Lay			15	5			75	1
74	Lò Thị Ngọc Loan			15	5			75	1

75	Quàng Thị Na			15	5			75	1
76	Nạ Thị Thảo Nhi			15	5			75	1
77	Quàng Thị Tuyết			15	5			75	1
78	Lò Thị Bích			15	5			75	1
79	Quàng Văn Phong			15	5			75	1
80	Nạ Văn Lượng			15	5			75	1
81	Nạ Thị Biên			15	5			75	1
82	Quàng Thị Hằng			15	5			75	1
83	Quàng Văn Lưu			15	5			75	1
84	Lò Văn Cường			15	5			75	1
85	Nạ Thị Tiên			15	5			75	1
86	Nạ Thị Lanh			15	5			75	1
87	Lò Văn Hoàng			15	5			75	1
88	Nạ Thị La			15	5			75	1
89	Lò Văn Anh			15	5			75	1
90	Quàng Văn Hậu			15	5			75	1
91	Tòng Văn Huy			15	5			75	1
92	Nạ Thị Mật			15	5			75	1
93	Nạ Thị Trang			15	5			75	1
94	Nạ Thị Văn			15	5			75	1